

*

Số 177-QĐ/ĐU

Bình Lư, ngày 24 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

ban hành Nội quy bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng ủy xã Bình Lư

- Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15/11/2018;
- Căn cứ Nghị định số 26/2020/NĐ-CP, ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;
- Căn cứ Quyết định số 1630/QĐ-TTg, ngày 30/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục bí mật nhà nước của Đảng;
- Căn cứ Thông tư số 24/2020/TT-BCA, ngày 10/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước;
- Căn cứ Quy chế số 10-QC/TU, ngày 08/02/2022 của Tỉnh ủy Lai Châu về bảo vệ bí mật nhà nước đối với các cơ quan Đảng trong tỉnh;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030,
- Xét đề nghị của Văn phòng Đảng ủy.

BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY XÃ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Nội quy bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng ủy xã Bình Lư.

Điều 2. Nội quy là căn cứ để các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội; các chi, đảng bộ cơ sở; chi bộ trực thuộc Đảng ủy; các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm chỉnh thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại Đảng ủy xã Bình Lư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2,
- Lưu VPĐU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Tạ Thị Dung

NỘI QUY**Bảo vệ bí mật nhà nước của Đảng ủy xã Bình Lư**

(Kèm theo Quyết định số 177-QĐ/ĐU, ngày 24/12/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Nội quy này quy định trách nhiệm, quyền hạn, nguyên tắc, quy trình trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước (BMNN) thuộc phạm vi quản lý của Đảng ủy xã Bình Lư. Tất cả cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có liên quan đến việc tiếp cận, khai thác, sử dụng, lưu giữ tài liệu, vật chứa bảo vệ bí mật nhà nước đều phải nghiêm túc chấp hành.

Phạm vi bảo vệ bao gồm: Tài liệu, số liệu, vật, địa điểm, hoạt động, lời nói, hình ảnh, âm thanh, dữ liệu điện tử hoặc các hình thức khác chứa bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của Luật bảo vệ bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 2. Nguyên tắc bảo vệ bí mật nhà nước

Công tác bảo vệ bí mật nhà nước đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối của Đảng ủy xã, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ từ cấp xã đến các chi, đảng bộ cơ sở; chi bộ trực thuộc. Việc thực hiện phải đúng pháp luật, phù hợp thực tiễn, bảo đảm an toàn tuyệt đối, không để lộ, lọt thông tin.

Mọi hoạt động liên quan đến bảo vệ bí mật nhà nước phải được kiểm soát chặt chẽ, kết hợp giữa biện pháp hành chính, kỹ thuật, nghiệp vụ với trách nhiệm cá nhân. Nguyên tắc cơ bản là: Biết đến đâu, quản lý đến đó; không được tự ý phổ biến, sao chép, chuyển giao khi chưa được sự cho phép của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Làm lộ, chiếm đoạt, mua, bán bí mật nhà nước; làm sai lệch, hư hỏng, mất tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.

2. Thu thập, trao đổi, cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước trái pháp luật; sao, chụp, lưu giữ, vận chuyển, giao, nhận, thu hồi, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước trái pháp luật.

3. Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ trái pháp luật.

4. Lợi dụng, lạm dụng việc bảo vệ bí mật nhà nước, sử dụng bí mật nhà nước để thực hiện che giấu hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp hoặc cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước trên máy tính hoặc thiết bị khác đã kết nối hoặc đang kết nối với mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, trừ trường hợp lưu giữ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về cơ yếu.

6. Truyền đưa bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin, viễn thông trái với quy định của pháp luật về cơ yếu.

7. Chuyển mục đích sử dụng máy tính, thiết bị khác đã dùng để soạn thảo, lưu giữ, trao đổi bí mật nhà nước khi chưa loại bỏ bí mật nhà nước.

8. Sử dụng thiết bị có tính năng thu, phát tín hiệu, ghi âm, ghi hình trong hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước dưới mọi hình thức khi chưa được người có thẩm quyền cho phép.

9. Đăng tải, phát tán bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin đại chúng, mạng Internet, mạng máy tính và mạng viễn thông.

Chương II

HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Điều 4. Xác định và phân loại độ mật

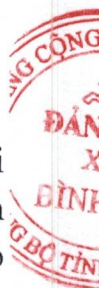
Việc xác định bảo vệ bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước phải căn cứ vào danh mục bảo vệ bí mật nhà nước được Thủ tướng Chính phủ ban hành và quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. Người đứng đầu Đảng ủy xã có trách nhiệm xác định độ mật, phạm vi lưu hành và quyết định việc được phép hoặc không được phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bảo vệ bí mật nhà nước.

Độ mật gồm: **Tuyệt mật**, **Tối mật**, **Mật**. Mọi tài liệu khi soạn thảo, phát hành phải thể hiện rõ mức độ mật, số lượng bản, nơi nhận, chế độ sao chụp. Trường hợp tài liệu điện tử phải được đóng dấu chỉ độ mật theo mẫu của Bộ Công an và được quản lý tương tự như tài liệu giấy.

Điều 5. Sao chụp, thống kê và lưu giữ tài liệu

Mọi hoạt động sao chụp bảo vệ bí mật nhà nước phải có văn bản cho phép của người có thẩm quyền. Bản sao phải đóng dấu “Bản sao số...”, “Bản sao bí mật nhà nước”, “trích sao” theo mẫu thống nhất. Phương tiện, thiết bị sử dụng để sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước không được kết nối với mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông. Việc sao chụp lại tài liệu phải có văn bản ghi nhận, nêu rõ tên loại, số lượng, nơi nhận, người thực hiện.

Tất cả tài liệu bảo vệ bí mật nhà nước phải được thống kê, đăng ký vào “Sổ quản lý sao, chụp bí mật nhà nước” theo dõi, sắp xếp khoa học, bảo quản trong tủ, két chuyên dụng, khóa niêm phong chắc chắn. Việc lưu giữ trên máy tính phải bảo



đảm trên một máy độc lập không kết nối Internet, có mật khẩu bảo vệ và tuân thủ quy định pháp luật về cơ yếu.

Điều 6. Vận chuyển, giao nhận và thu hồi tài liệu

Tài liệu bảo vệ bí mật nhà nước khi vận chuyển phải được niêm phong, có người giao nhận chịu trách nhiệm. Với tài liệu Tuyệt mật, phải bảo quản bằng hai lớp phong bì: Bì trong ghi số, ký hiệu của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, tên người nhận đóng dấu “Tuyệt mật”. Bì ngoài ghi như gửi tài liệu thường và đóng dấu ký hiệu chữ “A”.

Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ “Tối mật” và “Mật” được bảo vệ bằng một lớp bì, ngoài bì đóng dấu chữ “B” và chữ “C” tương ứng với độ mật của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước bên trong.

Việc vận chuyển, giao nhận sản phẩm mật mã thực hiện theo quy định pháp luật về cơ yếu.

Khi thu hồi tài liệu có đóng dấu “Tài liệu thu hồi”, đơn vị hoặc cá nhân nhận phải nộp lại đúng thời hạn. Việc giao, nhận, vận chuyển bảo vệ bí mật nhà nước phải ghi chép đầy đủ vào sổ đăng ký, có chữ ký của người giao, người nhận, bảo đảm an toàn tuyệt đối.

Điều 7. Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bảo vệ bí mật nhà nước

Các cuộc họp, hội nghị, hội thảo có nội dung bảo vệ bí mật nhà nước chỉ được tổ chức khi có sự đồng ý bằng văn bản của cấp có thẩm quyền. Địa điểm tổ chức phải bảo đảm an toàn, kín đáo, không để lọt thông tin ra ngoài.

Người tham dự phải đúng thành phần, không được mang thiết bị thu, phát sóng, ghi âm, ghi hình khi chưa được phép. Tài liệu, vật chứa bảo vệ bí mật nhà nước phát tại hội nghị phải thu hồi ngay sau khi kết thúc. Trường hợp hội nghị có yếu tố nước ngoài, phải có sự thẩm định, cho phép của cấp có thẩm quyền cao hơn.

Điều 8. Cung cấp và chuyển giao bảo vệ bí mật nhà nước

Việc cung cấp, chuyển giao bảo vệ bí mật nhà nước chỉ được thực hiện khi có văn bản đề nghị và được người có thẩm quyền cho phép. Văn bản đề nghị phải ghi rõ mục đích, phạm vi sử dụng, cam kết bảo mật và trách nhiệm của đơn vị, cá nhân tiếp nhận.

Bảo vệ bí mật nhà nước chỉ được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân trong nước có trách nhiệm trực tiếp; việc cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ thực hiện khi có quyết định của cấp trên theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 9. Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước



Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước là khoảng thời gian được tính từ ngày xác định độ mật của bí mật nhà nước đến hết thời hạn sau đây:

30 năm đối với bí mật nhà nước độ Tuyệt mật.

20 năm đối với bí mật nhà nước độ Tối mật.

10 năm đối với bí mật nhà nước độ Mật.

Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước về hoạt động có thể ngắn hơn và phải xác định cụ thể tại tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước khi xác định độ mật.

Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước về địa điểm kết thúc khi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền không sử dụng địa điểm đó để chứa bí mật nhà nước.

Điều 10. Tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước

Tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện khi không còn cần thiết phải lưu giữ hoặc trong tình huống nếu không tiêu hủy ngay sẽ gây nguy hại cho lợi ích quốc gia, dân tộc. Việc tiêu hủy phải bảo đảm tuyệt đối an toàn, không để lộ lọt thông tin; quá trình xử lý cần làm thay đổi hoàn toàn hình dạng, tính năng, nội dung để tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước không thể phục hồi.

Thẩm quyền tiêu hủy thuộc về người đứng đầu cơ quan, tổ chức theo quy định. Trong trường hợp khẩn cấp, người trực tiếp quản lý có thể quyết định tiêu hủy nhưng phải báo cáo ngay bằng văn bản. Khi thực hiện theo kế hoạch, cơ quan phải thành lập Hội đồng tiêu hủy để rà soát, xem xét, ra quyết định và lập hồ sơ lưu trữ, gồm quyết định thành lập, danh mục tài liệu, biên bản họp, quyết định và biên bản tiêu hủy.

Việc tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước trong lĩnh vực cơ yếu thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ yếu.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Đảng ủy xã

Đảng ủy xã lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên toàn địa bàn. Định kỳ hằng năm tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các hạn chế, thiếu sót. Đồng thời, phối hợp với lực lượng Công an, các cơ quan chức năng để hướng dẫn, xử lý những vấn đề phát sinh.

Điều 12. Trách nhiệm của cán bộ, đảng viên

Mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải nắm vững và chấp hành nghiêm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước và

nội quy này. Khi được giao tiếp cận, sử dụng, lưu giữ tài liệu bảo vệ bí mật nhà nước, phải có ý thức bảo mật, không sao chép, phổ biến khi chưa được phép.

Trường hợp phát hiện bảo vệ bí mật nhà nước có nguy cơ bị lộ, mất hoặc bị chiếm đoạt, cá nhân phải báo cáo ngay cho cấp ủy, người phụ trách để xử lý kịp thời, tránh gây hậu quả nghiêm trọng.

Điều 13. Kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm

Công tác bảo vệ bí mật nhà nước phải được đưa vào chương trình kiểm tra, giám sát thường xuyên của Đảng ủy. Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt sẽ được biểu dương, khen thưởng kịp thời.

Ngược lại, mọi trường hợp vi phạm, dù vô ý hay cố ý, đều bị xử lý nghiêm minh theo kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Nội quy này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành. Các chi, đảng bộ cơ sở; chi bộ trực thuộc Đảng ủy, các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy, cơ quan UBMTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm nghiên cứu, quán triệt và thực hiện. Văn phòng Đảng ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nội quy này.